

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG PTDTNT THPT
HUYỆN TỬA CHÙA

Số: 150/QĐ-DTNTTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tủa Chùa, ngày 10 tháng 04 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách
Quý I Năm 2024 của Trường PTDTNT THPT huyện Tủa Chùa**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN TỬA CHÙA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách Quý I năm 2024 ;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý I năm 2024 của trường PTDTNT THPT huyện Tủa Chùa .

(Có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Phó Hiệu trưởng, các tổ, bộ phận kế toán và toàn thể cán bộ, giáo viên nhân viên trường PTDTNT THPT huyện Tủa Chùa tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu :VT.

Hiệu trưởng



Nguyễn Văn Huynh

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Tháng 1 đến tháng 3 Năm 2024

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11
13	074	00000	0	7.399.570.000	7.399.570.000	7.399.570.000	7.399.570.000	1.866.336.032	1.866.336.032	0	0	0	5.5
12	074	00000	56.070.189	8.478.040.000	8.478.040.000	8.478.040.000	8.534.110.189	1.840.402.881	1.840.402.881	0	0	0	6.6
14	074	00000	0	118.000.000	118.000.000	118.000.000	118.000.000	0	0	0	0	0	1
Cộng:			56.070.189	15.995.610.000	15.995.610.000	15.995.610.000	16.051.680.189	3.706.738.913	3.706.738.913	0	0	0	12.2
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 1 tháng 4 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Bùi Thị Bích Phương

Người ký: Nguyễn Hoàng Long
Ngày ký: 01/04/2024 14:15:00
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Tủa Chùa- Điện Biên

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 4 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đ

(Ký tên, đóng

Người ký: Lò Thị Duyên
Ngày ký: 01/04/2024 07:52:40
Đơn vị: Trường phổ thông DTNT trung học phổ thông huyện Tủa Chùa

Người ký: Nguyễn Văn Hi
Ngày ký: 01/04/2024 08:1
Đơn vị: Trường phổ thông DTNT trung học ph

Mã chương: 422

Đơn vị: Trường phổ thông DTNT trung học phổ thông huyện Tủa Chùa

Mã ĐVQHNS: 1098185

Mã cấp NS: 2



Ngày ký: 01/04/2024, 14:13:00
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Tủa Chùa- Điện Biên
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20

Ký hiệu: 02a-SDH

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 /Năm 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đầu kỳ
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Học sinh dân tộc nội trú	12	074	6152	00000	0	0	1.794.088.000	1.794.088.000	1.794.088.000	1.794.088.000
Tiền điện	12	074	6501	00000	0	0	25.564.881	25.564.881	25.564.881	25.564.881
Chi các khoản khác	12	074	7799	00000	0	0	20.750.000	20.750.000	20.750.000	20.750.000
Lương theo ngạch, bậc	13	074	6001	00000	0	0	716.040.000	716.040.000	716.040.000	716.040.000
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	074	6051	00000	0	0	125.175.996	125.175.996	125.175.996	125.175.996
Phụ cấp chức vụ	13	074	6101	00000	0	0	16.200.000	16.200.000	16.200.000	16.200.000
Phụ cấp khu vực	13	074	6102	00000	0	0	136.080.000	136.080.000	136.080.000	136.080.000
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	13	074	6105	00000	0	0	8.902.514	8.902.514	8.902.514	8.902.514
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	13	074	6107	00000	0	0	1.080.000	1.080.000	1.080.000	1.080.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	074	6112	00000	0	0	434.170.800	434.170.800	434.170.800	434.170.800
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	074	6113	00000	0	0	50.760.000	50.760.000	50.760.000	50.760.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13	074	6115	00000	0	0	77.238.393	77.238.393	77.238.393	77.238.393
Bảo hiểm xã hội 17,5%	13	074	6301	00000	0	0	163.746.021	163.746.021	163.746.021	163.746.021
Bảo hiểm y tế 3%	13	074	6302	00000	0	0	28.070.747	28.070.747	28.070.747	28.070.747
Kinh phí công đoàn	13	074	6303	00000	0	0	18.713.831	18.713.831	18.713.831	18.713.831
Bảo hiểm thất nghiệp 1%	13	074	6304	00000	0	0	9.356.915	9.356.915	9.356.915	9.356.915

Chi khác	13	074	6449	00000	0	0	6.012.000	6.012.000	6.012.000	
Tiền điện	13	074	6501	00000	0	0	3.885.356	3.885.356	3.885.356	
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	13	074	6601	00000	0	0	672.420	672.420	672.420	
Cước phí bưu chính	13	074	6603	00000	0	0	504.409	504.409	504.409	
Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	13	074	6605	00000	0	0	2.170.000	2.170.000	2.170.000	
Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	13	074	6608	00000	0	0	1.186.600	1.186.600	1.186.600	
Tiền vé máy bay, tàu, xe	13	074	6701	00000	0	0	1.760.000	1.760.000	1.760.000	
Phụ cấp công tác phí	13	074	6702	00000	0	0	5.200.000	5.200.000	5.200.000	
Tiền thuê phòng ngủ	13	074	6703	00000	0	0	5.091.000	5.091.000	5.091.000	
Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	13	074	7012	00000	0	0	42.273.070	42.273.070	42.273.070	
Chi khác	13	074	7049	00000	0	0	3.404.760	3.404.760	3.404.760	
Chi các khoản phí và lệ phí	13	074	7756	00000	0	0	541.200	541.200	541.200	
Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin truyền, liên lạc; chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy	13	074	7854	00000	0	0	8.100.000	8.100.000	8.100.000	
Cộng:					0	0	3.706.738.913	3.706.738.913	3.706.738.913	3.
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 1 tháng 4 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 4 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đ

(Ký tên, đóng

Bùi Thị Bích Phương

Người ký: Nguyễn Hoàng Long
Ngày ký: 01/04/2024 14:13:00
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNVN Tux Chua- Điện Biên

Nguyễn Hoàng Long

Người ký: Lò Thị Duyên
Ngày ký: 01/04/2024 07:52:40
Đơn vị: Trường phổ thông DTNT trung học phổ thông huyện Tux Chua

Người ký: Nguyễn Văn H
Ngày ký: 01/04/2024 08:1
Đơn vị: Trường phổ thông DTNT trung học phổ

Lò Thị Duyên

Nguyễn Văn H